

Bản án số: 65/2025/HS-PT

Ngày: 22-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Hận E đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn Hận E, sinh năm 1992 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: Số E, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955 (đã chết), vợ Võ Thị Hồng N, sinh năm 1990; con 01 người, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/10/2024 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, vụ án còn có 05 bị cáo khác và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2024, thông qua trang mạng xã hội Facebook, Nguyễn Văn Hận E với Trương Văn Phước T, Trương Văn Phước T1, Phạm Minh Đ làm

quen và hợp tác với nhau về việc vận chuyển, nhập khẩu, môi giới mua bán máy gặt đập liên hợp được mua từ Campuchia nhập vào Việt Nam qua cửa khẩu T4 thuộc tỉnh An Giang.

Đến khoảng đầu tháng 04 năm 2024, do cửa khẩu T4 không cho nhập khẩu máy nông nghiệp từ Campuchia vào nội địa, nên Hận E quay về địa phương. Biết được T, T1, Đ có nguồn để mua máy nông nghiệp từ Campuchia và bản thân thông thạo địa bàn tỉnh Long An, nên Hận E liên hệ với T, T1, Đ nhập lậu máy vào Việt Nam qua địa bàn biên giới giữa Việt Nam – Campuchia, đoạn thuộc địa phận tỉnh Long An nhằm để hưởng tiền công, Hận E gọi điện thoại cho từng người để liên hệ và được cả ba đồng ý, hẹn khi nào mua được máy sẽ liên hệ với Hận E để nhập lậu vận chuyển về địa bàn tỉnh Đồng Tháp tiêu thụ.

Khoảng giữa tháng 04 năm 2024, T, T1, Đ sang Campuchia mua máy gặt đập liên hợp, T1 mua 01 máy với giá 140.000.000 đồng, Đ mua 01 máy với giá 130.000.000 đồng và T mua 01 máy với giá 120.000.000 đồng, cả 03 máy đều mang nhãn hiệu Kubota DC70 (đã qua sử dụng). Mua máy xong, T, T1, Đ gọi điện thoại thuê Hận E kiểm tra thông số kỹ thuật máy. Khi máy đảm bảo thông số kỹ thuật, Hận E thông tin cho T1, T, Đ biết để đồng ý nhận máy rồi Hận E tiến hành đưa máy vào nội địa vận chuyển về địa bàn tỉnh Đồng Tháp giao cho từng người. Mỗi máy được vận chuyển trót lọt về đến địa điểm giao kết Hận E sẽ được nhận tiền công 26.000.000 đồng. Hận E lấy thông tin của những người bán máy từ T, T1, Đ để liên hệ đưa máy đến điểm tập kết. Từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 4 năm 2024, Hận E liên lạc với những người bán máy yêu cầu đưa máy đến địa điểm tại khu dân cư thuộc địa phận Campuchia tiếp giáp với xã T, huyện V, tỉnh Long An và thuê một người Campuchia trong coi máy.

Đến trưa ngày 21/4/2024, Hận E đến địa điểm trên kiểm tra, thấy máy đảm bảo nên gọi thông báo và hẹn đến đêm sẽ giao máy cho T, T1, Đ. Để thực hiện việc chuyển máy Hận E thuê xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-133.43 của ông Lê Hoàng T2 và xe ô tô tải biển kiểm soát 66H-021.70 của Phan Khâm Ma R (khi thuê xe, Hận E không nói với ông T2 và Ma R biết việc vận chuyển hàng nhập lậu, mà nói rằng vận chuyển máy cắt từ huyện V về địa bàn tỉnh Đồng Tháp). Thỏa thuận cho Hận E thuê xe xong, ông T2 kêu con là Lê Hoàng T3, cùng Trương Văn A (người làm thuê hưởng lương theo tháng cho ông T2) đi chở hàng, còn Ma R trực tiếp điều khiển xe chở theo Phan Huỳnh D làm phụ xe chở hàng cho Hận E. Thuê xe xong, Hận E kêu người trong giữ máy điều khiển 03 máy gặt đập liên hợp đến vị trí gần đường tuần tra biên giới, đoạn thuộc huyện V, tỉnh Long An để tiện việc đưa máy lên xe tải để chở vào nội địa. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Hận E gặp T3 và A, nói cho cả hai biết việc thuê xe chở máy cắt nhập lậu về giao lại cho người khác, T3 và A vẫn đồng ý thực hiện cùng và không báo lại thông tin cho ông T2 biết. Lúc này, Hận E điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 62C1-219.20 chở A đến vị trí của máy gặt đập liên hợp do T1 mua, được đặt cách đường tuần tra biên giới 20 mét về hướng Campuchia, kêu A đợi T3 đến rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đến vị trí của 02 máy do T và Đ mua, được đặt cách đường tuần tra biên giới 60 mét về hướng Campuchia để chỉ đường và đón Ma Ra. Khi Ma R đến, Hận E đưa 02 máy cùng xe mô tô lên xe rồi đi cùng xe ô tô tải với Ma R. T3 và A

được 01 người Campuchia do Hận E thuê hỗ trợ đưa máy còn lại lên xe rồi tất cả cùng chở 03 máy ra tuyến quốc lộ F đi về tỉnh Đồng Tháp. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 22 tháng 4 năm 2024, khi 02 xe lưu thông đến đoạn thuộc địa phận ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An thì bị lực lượng thuộc Công an huyện M kiểm tra phát hiện cùng tang vật về hành vi buôn lậu.

Tại các Bản kết luận giám định số 531.01; 531.02; 531.03/KL-KTHS cùng ngày 05/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh L đã kết luận: 03 máy gặt đập liên hợp do các bị can Trương Văn Phước T1, Trương Văn Phước T, Phạm Minh Đ mua từ Campuchia thuê Nguyễn Văn Hận E nhập lậu vào Việt Nam bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện thu giữ có số khung, số máy là nguyên thủy, không phát hiện đục sửa, không phát hiện cắt, hàn, ghép.

Tại Bản kết luận định giá số: 09/KL-ĐGTS ngày 04/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M đã kết luận như sau: 01 máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Kubota DC70, màu trắng đỏ, số máy: V2403-BNQ04918, số khung: KBH86700HNTH00714 do Trương Văn Phước T1 mua, có trị giá: 275.000.000 đồng; 01 máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Kubota DC70, màu trắng đỏ, số máy: V2403-BML0695, số khung: KBH80500EMIF0870 do Trương Văn Phước T mua và 01 máy gặt đập liên hợp nhãn hiệu Kubota DC70, màu trắng đỏ, số máy: V2403-BMS0074, số khung: KBH80700BMTJ01685 do Phạm Minh Đ mua, có cùng trị giá: 170.000.000 đồng. Tổng trị giá của 03 máy tại thời điểm giám định là 615.000.000 đồng.

Tang vật, phương tiện tạm giữ gồm: 01 xe ô tô tải BKS 62C-133.43, nhãn hiệu HINO, màu trắng; 01 xe ô tô tải BKS 66H-021.70, nhãn hiệu ChengLong, màu bạc; 01 xe mô tô BKS 62C1-219.20, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ; 01 máy gặt đập liên hợp, nhãn hiệu Kubota DC70, màu trắng đỏ. Số máy: V2403-BNQ04918, số khung: KBH86700HNTH00714; 01 máy gặt đập liên hợp, nhãn hiệu Kubota DC70, màu trắng đỏ. Số máy: V2403-BMS0074, số khung: KBH80700BMTJ01685; 01 máy gặt đập liên hợp, nhãn hiệu Kubota DC70, màu trắng đỏ. Số máy: V2403-BML0695, số khung: KBH80500EMIF0870. Ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, kiểu máy CPH1937, gắn sim số 0812967770, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, bàn phím cảm ứng, số Imei 864983063728234, gắn thẻ sim 1 số 0944859438 gắn sim 2 số 855889906689 của Nguyễn Văn H Em; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, số máy MHDH3VN/A, số seri FFWL1H5GN73D, có gắn sim số 0843585850 của Lê Hoàng T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu I02S, màu xanh, màn hình cảm ứng, số máy V2203, số seri 10HC7G030K00002A có gắn sim số 0395548849 của Trương Văn A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, số máy V2216, số seri 3430417003MG, có gắn sim số 0939878230 của Phan Khâm Ma R; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu đen, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0705023417 của Phan Huỳnh D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11, màu đen, màn hình cảm ứng, số máy CPH1969, số Imei 863980043321495, có gắn sim số 0907594224 của Trương Văn Phước T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 6, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số máy CPH2237, số seri T4GIAITWUC9TYHLZ, có

gắn sim số 090754224 của Trương Văn Phước T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu xanh đen, số máy TA1235, có gắn sim số 0949070755 của Phạm Minh Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hận E phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hận E 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/10/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt và chế định về án treo đối với các bị cáo khác, tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2025 bị cáo Nguyễn Văn Hận E kháng cáo một phần của bản án sơ thẩm với nội dung được hưởng hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn Hận E bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo được giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng hình phạt tiền.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn H Em kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn Hận E phạm tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt hay phạt tiền thay bằng hình phạt tù đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Hận E có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Hận E khai nhận: Khoảng giữa tháng 4 năm 2024, bị cáo rủ rê các bị cáo Trương Văn Phước T1, Trương Văn Phước T, Phạm Minh Đ mua máy gặt đập liên hợp đã qua sử dụng từ bên Vương quốc Campuchia nhập lậu vào Việt Nam để tiêu thụ, trong đó bị cáo nhận vận chuyển thuê để hưởng tiền công. Ngày 21 tháng 4 năm 2024, bị cáo Hận E thuê các bị cáo Lê Hoàng T3, Trương Văn A vận chuyển 03 máy gặt đập liên hợp từ bên kia biên giới của Vương quốc Campuchia đi qua Việt Nam địa phận tỉnh Long An để hướng về tỉnh Đồng Tháp giao máy và bị cáo Hận E sẽ nhận được tiền công mỗi máy là 26.000.000 đồng. Khi các phương tiện trên đi đến địa phận ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an huyện M kiểm tra phát hiện. Tổng giá trị tài sản được định giá là 615.000.000 đồng. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Hận E phạm tội “Buôn lậu” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo với mức án 07 năm tù là phù hợp, mức án này mới chỉ là khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 1 Điều 51, nên không có căn cứ để xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, xét thấy bị cáo không đủ điều kiện để xem xét áp dụng hình phạt tiền thay hình phạt tù như kháng cáo của bị cáo.

Từ những căn cứ và nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo Hận E không có căn cứ để xem xét, nên không chấp nhận kháng cáo như đại diện của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Hận E phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Hận E. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Hận E tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hận E phạm tội “Buôn lậu”.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hận E 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2024 đến ngày 30/10/2024.

3. Về án phí:

Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Hận E phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Mộc Hóa (02);
- VKSND huyện Mộc Hóa (01);
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa (01);
- Công an tỉnh Long An (02);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm